

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/7/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-90mm, có nơi trên 120mm như: Phiêng Lanh (Sơn La) 139.9mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Từ ngày 8-10/7, trên sông Thao (Lào Cai) đã xảy ra 01 trận lũ với đỉnh lũ tại Yên Bái đạt 28,10m (1h/10/07), hiện đang biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 4%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 2%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn TBNN 25%. + Trên sông Hồng: Trong 7 ngày qua, do ảnh hưởng của mưa lớn trên khu vực thượng lưu và ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên (thủy điện Tuyên Quang mở 1 cửa xả đáy từ 16h/01/07-16h/13/07, thủy điện Hòa Bình mở 1 cửa xả đáy lúc 11h/11/7), mực nước tại trạm Hà Nội xuất hiện 01 đợt lũ nhỏ với biên độ nước lên là 1,2m và mực nước cao nhất là 4,31m (23h/12/07). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 24%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-150mm, có nơi trên 200mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông dự báo có dao động. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 32%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ thấp hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 54%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 12%.

+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ dao động theo ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều (hồ Hòa Bình vẫn duy trì 01 cửa xả đáy). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-100mm, có nơi trên 100mm như Định Hóa (Thái Nguyên) 142.4mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy có dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 276%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy có dao động; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 8%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 120mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy sẽ biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 48%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy sẽ xuất hiện dao động lũ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 7%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm, có nơi trên 70mm như Hương Khê (Hà Tĩnh) 79.3mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã (Thanh Hóa) tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 67%, sông Cả (Nghệ An) tại trạm Yên Thượng thấp hơn 38%, trên sông Ngàn Sâu (Hà Tĩnh) tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 25%, trên sông Ngàn Phố (Hà Tĩnh) tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 93%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP. Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 125%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>

- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 10-50mm; phía Nam phổ biến ít mưa
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 6%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 66%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn 71%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 94%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 105%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-15mm, cục bộ có nơi trên 30mm như Hoài Nhơn (Gia Lai) 34.7mm. - Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 9%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn 20%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 23%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 77%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 29%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 75%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 85%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi trên 40mm. - Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 12%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang thấp hơn 13%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 84% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 42% so với TBNN.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc 40-70mm, có nơi trên 150mm như: EaHleo (Đăk Lăk) 153.6mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi ở mức tương đương và giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 53%. + Trên sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang tăng dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-80mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương và cao hơn so với tuần vừa qua; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 56%. + Trên sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục gia tăng, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng cao hơn TBNN 27%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 7%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/7/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/7/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	49.2	<62	24	34.3	58.3	9.1	20.5	27.2	44	217.4	>47
	Sơn La	125.2	>133	17.8	14.5	15.6	7.2	7	18	13	93.1	>30
	Hòa Bình	47	<14	2.8	10.7	2.1	3.1	4.5	9.1	8.6	40.9	<59
	Lào Cai	42.1	<43	16.8	14.4	9.4	7.8	6.9	15.7	39.7	110.7	>74
	Yên Bái	111.1	>71	18.5	8	19.3	7	9.6	13.1	9.7	85.2	>31
	Tuyên Quang	144	>105	19.2	3.2	8.3	16	18.3	23	2.9	90.9	>52
	Hà Giang	66.5	<44	13	10.7	8.5	11.7	15.8	19.9	13	92.6	<20
	Láng	96.4	>51	8.5	1.3	3	2.1	7.9	10	8.9	41.7	<51
	Thái Bình	24.7	<48	8.2	1.1	0.7	1.5	7.5	2.1	1.5	22.6	<58
	Nam Định	43.6	<19	10.9	1.1	0.9	1.9	19	6.9	2.4	43.1	<30
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Kạn	82.5	>32	23	4.2	17.4	19.3	11.9	16.8	16.4	109	>64
	Thái Nguyên	54.2	<46	7.2	3.3	9.1	4.7	17.9	10.9	14.2	67.3	<18
	Bắc Ninh	49.9	>10	7.7	0.4	4.1	2.1	12.7	14.3	12.3	53.6	<20
	Lạng Sơn	54	>7	10.1	2.9	8.3	10.1	12.1	13.5	21.2	78.2	>48

	Bắc Giang	48.7	<10	9.8	2.7	6.3	8.5	9	25	14.1	75.4	>22
	Hải Dương	67.9	>50	8.2	1.8	5.7	1.5	9.5	18.1	13.2	58	>3
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	52.6	<7	0.6	1.4	0.5	0.9	5.3	7.1	9.4	25.2	<64
	Bái Thượng	50.2	<2	2.4	0.4	0	4	12.5	3.7	3.5	26.5	<55
	Thanh Hóa	8.4	<78	1.2	0.6	0	2.7	15.3	3.7	1.8	25.3	<46
	Quỳ Châu	39.9	>5	0.9	1.1	0.2	0.4	6.1	4.4	0.9	14	<76
	Tương Dương	29.6	<25	0.6	0.2	0.6	0.2	2.6	7.2	2.4	13.8	<72
	Đô Lương	6.2	<77	0.1	0	0	0	0.1	0	0.2	0.4	<99
	Vinh	24.9	>20	0	0	0	0	0	0	0.8	0.8	<98
	Hương Sơn	1.9	<89	0.3	0	0.2	0	0.1	0	0.7	1.3	<98
	Hương Khê	79.3	>139	0.1	0.1	0	0	0	0	0.2	0.4	<99
	Hà Tĩnh	30.2	>69	0	0	0	0.8	0.1	0.2	1.2	2.3	<94
	Đồng Hới	14.6	>80	0.9	0.1	0.1	0	0	0	0	1.1	<94
	Quảng Trị	3.8	<68	0.7	0	0.1	0	0	0	0	0.8	<94
	Nam Đông	1.2	<96	0.1	0	0	0	0.2	1.6	3.6	5.5	<85

	Huế	0.1	<99	0.1	0	0	0	0.2	0.9	2.5	3.7	<79
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	2.3	<85	0.1	0.3	0.5	0	0.7	4	6.8	12.4	<38
	Trà My	17.6	<62	0	0.8	0.3	0	0.6	1.4	7.5	10.6	<74
	Ba Tơ	0.9	<98	0.8	1.3	0	0.7	2.3	2.2	1.4	8.7	<69
	Quảng Ngãi	0	<100	0.8	4.3	0.8	3.9	1.8	0.7	0.4	12.7	<10
	Quy Nhơn	28.3	>170	1.1	0	0	0	1.8	0.5	0.5	3.9	<29
	An Khê	9.8	<63	0.6	0.5	0.6	1.4	0.3	0.5	0.5	4.4	<71
	Tuy Hòa	5.7	<37	3.4	0.8	2.7	0.8	1.1	1.1	4.1	14	>73
	Nha Trang	0.6	<96	1.1	1.5	1.4	2.3	0.9	1.5	8	16.7	>182
Lưu vực sông Mê Kông	Kon Tum	123.3	>117	9.6	4.8	7.8	4.1	3.9	3.8	1.1	35.1	<49
	Lắk	34.4	<45	18.8	18.8	10.9	8	6	4.8	2.5	69.8	>16
	Buôn Mê Thuột	40.8	<28	14	11.4	14.6	5.4	1.7	2.3	1.4	50.8	>16
	Biên Hòa	21	<64	12	17.9	18.1	5.4	6	6.4	0.6	66.4	>14
	Cần Thơ	45.7	<3	15.8	10.1	12.3	1.5	13.8	6.1	2.5	62.1	>27

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/7/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/7 đến 14/7	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/07	16/07	17/07	18/07	19/07	20/07	21/07	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	485	<4	25	29	37	45	82	90.0	127	435	<32
Lô	Tuyên Quang	1067	>2	67	69	78	63	59	62.0	63	461	<54
Đà	Hồ Hòa Bình	2436	>25	343	337	333	328	324	328	333	2326	>12
Hồng	Hà Nội	2602	>24	372	362	352	342	332	322	312	2393	>1
Cầu	Gia Bảy	267	>276	11.0	10.1	11.8	13.8	11.8	15.8	22.7	97	>48
Lục Nam	Chũ	36.3	<8	4.28	4.04	3.89	5.3	5.1	4.8	4.67	31	>7
Mã	Cắm Thủy	464	>67	54.2	54.2	55.3	55.9	57.0	59.9	62.7	399	>6
Cả	Yên Thượng	128	<38	16.0	16.0	16.3	16.5	16.9	17.7	18.5	118	<66
La	Hòa Duyệt	14.5	<25	1.61	1.61	1.64	1.66	1.69	1.8	1.86	11.9	<71
Tả Trách	Thượng Nhật	7.3	>125	0.9	1	1.1	1.1	1	0.9	0.8	6.8	>105
Thu Bồn	Nông Sơn	50.1	>9	7.8	7.9	8.2	8.4	8.5	8.0	7.8	56.6	>12
Trà Khúc	Sơn Giang	31.8	<20	4.8	5	5.4	5.2	5	4.6	4.7	34.7	<13
Ba	Củng Sơn	11.7	<77	1.73	1.56	1.47	1.47	1.38	1.4	1.3	10.3	<84
Cái N,T	Đồng Trăng	12.7	<29	1.47	1.47	1.47	1.38	1.3	1.3	1.3	9.69	<42
ĐăkBlá	KonTum	8.22	<79	2	1.52	1.59	1.43	1.28	1.5	1.37	10.3	<78
Srêpôk	Giang Sơn	13.5	<53	1.96	2	2.05	1.99	1.93	1.9	2.03	13.8	<56
Tiền	Tân Châu			1393	1427	1462	1445	1410	1375	1341	9852	>27
Hậu	Châu Đốc			189	198	203	199	194	190	186	1358	<7